

Số: 40/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2019

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng (sau đây gọi là Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg);*

*Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020;*

*Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;*

*Thực hiện Quyết định số 1100/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật;*

*Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về một số chính sách đối với hộ nghèo thiếu hụt đa chiều;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng (sau đây viết tắt là Thông tư số 152/2016/TT-BTC).*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC**

1. Sửa đổi khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 5 như sau:

“1. Ngân sách trung ương

a) Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các

bộ, cơ quan trung ương và bổ sung có mục tiêu cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020 để thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng cho đối tượng là lao động nông thôn, người khuyết tật.

b) Bố trí kinh phí trong dự toán chi thường xuyên của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam để thực hiện đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho phụ nữ khu vực thành thị.

c) Giai đoạn sau năm 2020, nguồn kinh phí và danh sách các địa phương được trung ương hỗ trợ thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

## 2. Ngân sách địa phương

a) Các địa phương tự cân đối được ngân sách theo quy định tại Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 (trừ tỉnh Quảng Ngãi) bảo đảm toàn bộ kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg”.

### 2. Sửa đổi khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Đối với nguồn kinh phí bố trí trong dự toán chi thường xuyên: quy trình lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho phụ nữ khu vực thành thị lập dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp. Dự toán phải kèm theo thuyết minh chi tiết số lao động nữ dự kiến đào tạo và chi phí đào tạo từng nghề năm kế hoạch, báo cáo đánh giá kết quả, hiệu quả đào tạo nghề gắn với chỉ tiêu việc làm năm hiện hành để làm cơ sở bố trí dự toán”.

### 3. Bổ sung khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Người thuộc hộ nghèo được hỗ trợ theo mức quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều này là hộ nghèo thu nhập và hộ nghèo đa chiều thiếu hụt ít nhất 01 chỉ số về giáo dục. Người thuộc hộ nghèo đa chiều không thiếu hụt chỉ số về giáo dục được hỗ trợ theo mức hỗ trợ đối với người thuộc hộ cận nghèo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này”.

### 4. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 8 như sau:

“1. Việc hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Riêng đối với trường hợp người học là người khuyết tật, cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách ký hợp đồng đào tạo với các cơ sở đào tạo hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh có Đề án tổ chức dạy nghề gắn với việc làm cho người khuyết tật (đào tạo nghề nghiệp theo hình thức truyền nghề, vừa làm vừa

học) và thanh quyết toán theo số người khuyết tật thực tế học và mức chi phí đào tạo do cấp có thẩm quyền quy định”

5. Khoản 4 Điều 9 bỏ cụm từ “định mức chi phí”.

6. Sửa đổi tiêu đề Điều 10 như sau:

“Điều 10. Xây dựng đơn giá đặt hàng trong trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật”.

7. Sửa đổi khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Chi thù lao giáo viên, người dạy nghề tham gia đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng:

a) Giáo viên cơ hữu đang làm việc tại các cơ sở đào tạo của Nhà nước: Áp dụng mức tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương của giảng viên, giáo viên hiện đang hưởng;

b) Người dạy nghề không thuộc trường hợp tại điểm a khoản này: mức chi do thủ trưởng cơ quan được giao chủ trì xây dựng đơn giá đặt hàng đề xuất, tối đa không quá mức quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức”.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2019.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và kịp thời. /.

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện KSND tối cao; TAND tối cao;
- Ủy ban Giám sát Tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở LĐTĐBXH, Sở TC, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (500b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**TÀI THƯ TRƯỞNG**



**Trần Văn Hiếu**